

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST
Ngày 11 tháng 8 năm 2020
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Giáp;
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Mai;
Bà Vũ Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Sự, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2020/TLST-HNGĐ ngày 03/6/2020 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 22/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1991 (có mặt).

Nơi cư trú: Số B đường V, khu T, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng K, sinh năm 1990 (vắng mặt).

HKTT: Xóm K, khu N, phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Hiện đang sinh sống và lao động tại: Nhật Bản.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

- Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp sau tại Tòa án, chị Nguyễn Thị B là nguyên đơn trong vụ án trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Trọng K vào ngày 27-9-2013, có đăng ký kết hôn tại UBND phường K, thành phố B. Trước khi kết hôn, anh chị được tự do tìm hiểu, không ai ép buộc ai và không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại

nhà anh K cùng bố mẹ chồng ở xóm K, khu N, phường K; đến năm 2016 thì vợ chồng tách ra ăn riêng, ở riêng nhưng vẫn cùng chung nhà. Đời sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi nhau, có nhiều lần anh K nói là sẽ ly hôn chị, nhưng không nói lý do. Đến tháng 8 năm 2018, anh K bắt đầu đi lao động tại

Nhật Bản, trước khi đi vợ chồng đã bàn bạc thống nhất là không đi, nhưng sau đó anh K tự quyết định đi học và sang Nhật Bản lao động. Trong thời gian anh K ở Nhật Bản, vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau, anh K vẫn gửi về mỗi tháng 2.000.000 đồng cho chị để chăm sóc con cái và gia đình. Từ đầu năm 2020 đến nay anh K không gửi tiền về cho chị nữa. Năm 2019 thì chị về nhà mẹ đẻ sinh sống. Đến tháng 02 năm 2020 anh K nghỉ phép về nước, thời gian này anh K cho rằng chị có quan hệ với người khác nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Hai gia đình có khuyên bảo vợ chồng nhưng không thành. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị và anh K có một người con chung là cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 26/9/2014, hiện nay chị là người chăm sóc nuôi dưỡng cháu tại Số 06 đường V, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh, sức khỏe của cháu tốt, phát triển bình thường. Hiện cháu đang học tại trường mầm non V. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Minh K, cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

Về công nợ: Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu giải quyết.

- *Bị đơn anh Nguyễn Trọng K trình bày tại bản tự khai:* Anh và chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1991, địa chỉ phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh kết hôn với nhau từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND phường K, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường hay phát sinh mâu thuẫn không thể giải quyết được. Do mâu thuẫn vợ chồng, nên năm 2018 anh đã tự quyết định đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Sau một năm đi lao động anh có gửi 150.000.000 đồng về để trả nợ và cho hai mẹ con chị B sinh hoạt, nhưng chị B trả được 60.000.000 đồng, còn 90.000.000 đồng là tiền sinh hoạt trong 14 tháng. Đến tết nguyên đán năm 2020, anh được nghỉ phép về Việt Nam nhưng thấy vợ chồng lạnh nhạt, không còn tình cảm. Nay chị B yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý, vì anh cũng đã nghe và xác nhận việc chị B có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác.

Về con chung: Anh chị có một người con chung là cháu Nguyễn Minh K, sinh năm 2014. Khi ly hôn anh K không trình bày quan điểm về con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Hiện anh đang làm việc tại Nhật Bản nên không thể có mặt tại các buổi làm việc tại Tòa án, anh đề nghị Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và mở phiên tòa xét xử vắng mặt anh. Việc gửi,

tổng đạt các văn bản tố tụng anh đề nghị Tòa án gửi cho bố đẻ của anh là ông Nguyễn Đăng K, sinh năm 1969, địa chỉ khu K, N, K, thành phố Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật; các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về đường lối giải quyết vụ án, Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Trọng K. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 26/9/2014 cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và công nợ: Không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị B có đơn yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Trọng K, địa chỉ tại K, khu N, phường K, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Hiện anh K đang cư trú và làm việc tại Nhật Bản, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh theo quy định tại Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành gửi thông báo thụ lý và bản mô tả câu hỏi cho anh K. Anh K đã nhận được và gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về cho Tòa án. Tại văn bản trình bày ý kiến của mình, anh đề nghị Tòa án gửi các văn bản tố tụng cho anh thông qua người thân là bố đẻ của anh là ông Nguyễn Đăng K. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng, thông báo thời gian tiến hành tố tụng cho ông K. Tuy nhiên, do đang làm việc tại Nhật Bản nên anh K đề nghị được vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và đề nghị xét xử vắng mặt anh. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh K theo quy định tại khoản 5, Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B kết hôn với anh Nguyễn Trọng K ngày 27/9/2013, có đăng ký kết hôn tại UBND phường K, thành phố Bắc Ninh theo quy định của pháp luật. Trước khi kết hôn, anh chị được tự do tìm hiểu, không ai ép buộc ai và không bị ai ép buộc. Như vậy, quan hệ hôn nhân của anh K và chị B là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu ly hôn của chị B thì thấy: Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại nhà anh K cùng gia đình bố mẹ chồng tại xóm Phúc Hoạch, khu N, phường K đến năm 2016 thì vợ chồng tách ra ăn riêng, ở riêng nhưng vẫn cùng chung nhà. Cả anh K và chị B đều xác định đời sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi nhau mà không thể giải quyết được. Do mâu thuẫn vợ chồng, năm 2018 anh K đã tự quyết định đi lao động tại Nhật Bản không được sự đồng thuận của chị B. Tháng 02 năm 2020 anh K nghỉ phép về nước, thời gian này anh K cho rằng chị B có quan hệ với người khác nên vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng hơn. Tuy nhiên, anh K cũng không đưa ra được căn cứ chứng minh chị B có quan hệ với người khác. Hai gia đình có khuyên bảo vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Chị B đã đem con về nhà mẹ đẻ ở từ năm 2019 cho đến nay. Nay chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K, anh Nguyễn Trọng K đồng ý ly hôn chị B.

Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị B và anh K đã trở nên trầm trọng, đã sống ly thân, không ai quan tâm tới ai, cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị B yêu cầu được ly hôn; anh K xác định vợ chồng có mâu thuẫn, nên cũng chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B. Việc yêu cầu giải quyết ly hôn của chị B với anh K là trên cơ sở thực trạng đời sống chung vợ chồng, cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị B và anh K có một người con chung là cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 26/9/2014. Hiện chị B là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Ly hôn chị B đề nghị được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Để đảm bảo cuộc sống, không làm ảnh hưởng tới môi trường sống của con chung, cần giao cháu Nguyễn Minh K cho chị B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tiễn, đảm bảo được quyền lợi của con chung. Vì vậy, yêu cầu nuôi con của chị B cần được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị B không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, không đặt ra để giải quyết.

[5] Về án phí và lệ phí Tòa án: Chị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266, Điều 267, Điều 474,

Điều 477, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 122 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B được ly hôn anh Nguyễn Trọng K.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 26/9/2014 cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; cấp dưỡng nuôi con không đặt ra để giải quyết. Anh Nguyễn Trọng K được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí, lệ phí Tòa án:

Chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị B đã nộp theo biên lai thu số: AA/2017/0004649 ngày 01/6/2020 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày được tổng đạt Bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- UBND xã phường K, TP B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Giáp